

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2024
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Số 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Mẫu B 01-DN/HN
			31/03/2024	Đơn vị tính: VND Số đầu kỳ 01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		830,350,682,141	861,681,240,609
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9,285,316,741	38,740,717,045
1. Tiền	111	V.1	9,285,316,741	10,740,717,045
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	28,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		590,500,000,000	593,200,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	590,500,000,000	593,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99,643,125,102	106,049,550,865
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	227,441,621,058	227,586,306,704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14,033,463,511	11,764,123,583
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1,300,000,000	1,500,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	93,503,813,887	103,567,158,729
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(236,635,773,354)	(238,368,038,151)
IV. Hàng tồn kho	140		104,402,294,949	93,019,360,708
Hàng tồn kho	141	V.7	104,402,294,949	93,019,360,708
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26,519,945,349	30,671,611,991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	24,349,581,650	28,561,643,661
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,346,608,982	1,321,663,336
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	823,754,717	788,304,994
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44,284,248,950	46,398,919,023
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,222,689,741	3,222,689,741
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.9	200,000,000	200,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3,222,689,741	3,222,689,741
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6b	(200,000,000)	(200,000,000)
II. Tài sản cố định	220		10,683,762,762	11,819,474,719
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	10,683,762,762	11,819,474,719
Nguyên giá	222		36,164,155,118	37,026,755,118
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,480,392,356)	(25,207,280,399)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7,566,265,245	6,631,434,947
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,566,265,245	6,631,434,947
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19,533,826,808	20,306,720,146
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	3,768,785,430	3,768,785,430
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	18,593,760,000	18,593,760,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(2,828,718,622)	(2,055,825,284)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,277,704,394	4,418,599,470
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1,255,374,328	1,625,296,251
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	2,022,330,066	2,793,303,219
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		874,634,931,091	908,080,159,632

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Số 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2024	Số đầu kỳ 01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		243,106,312,792	342,070,743,113
I. Nợ ngắn hạn	310		236,608,762,762	340,189,118,915
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	8,663,809,092	4,371,919,717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	14,614,670,904	8,834,090,686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13,544,160,637	41,291,336,576
4. Phải trả người lao động	314		1,376,419,466	2,931,446,182
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	69,695,445,768	69,667,535,043
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	124,274,070,573	208,807,208,795
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3,855,156,816	3,700,552,410
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	156,000,000	156,000,000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	429,029,506	429,029,506
II. Nợ dài hạn	330		6,497,550,030	1,881,624,198
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	3,949,348,746	533,000,000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	400,000,000	(799,577,086)
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	2,148,201,284	2,148,201,284
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		631,528,618,299	566,009,416,519
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	631,528,618,299	566,009,416,519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400,150,690,000	400,150,690,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>400,150,690,000</i>	<i>400,150,690,000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1,012,784,684)	(1,012,784,684)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		22,399,587,678	22,399,587,678
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		209,940,707,086	144,418,741,182
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (lỗ lũy kế)</i>	<i>421a</i>		<i>142,364,661,212</i>	<i>(70,225,755,848)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế (lỗ) chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>67,576,045,875</i>	<i>214,644,497,030</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		50,418,219	53,182,343
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		874,634,931,091	908,080,159,632



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2024

NGUYỄN SON NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kế toán trưởng

PHAN TUẤN VŨ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Số 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 01 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 01 năm 2023	Quý 01 năm 2024	Quý 01 năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		105,419,159,499	87,912,027,787	105,419,159,499	87,912,027,787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	105,419,159,499	87,912,027,787	105,419,159,499	87,912,027,787
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22,890,342,789	27,125,049,888	22,890,342,789	27,125,049,888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82,528,816,710	60,786,977,899	82,528,816,710	60,786,977,899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,105,856,781	14,789,603,723	8,105,856,781	14,789,603,723
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14,802,798	404,182,843	14,802,798	404,182,843
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14,802,798</i>	<i>404,182,843</i>	<i>14,802,798</i>	<i>404,182,843</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5,772,446,180	4,911,410,759	5,772,446,180	4,911,410,759
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3,817,448,974	5,927,585,159	3,817,448,974	5,927,585,159
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81,029,975,539	64,333,402,861	81,029,975,539	64,333,402,861
12. Thu nhập khác	31		95,300,000	690,777,875	95,300,000	690,777,875
13. Chi phí khác	32		151,715,593	12,000,000	151,715,593	12,000,000
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	(56,415,593)	678,777,875	(56,415,593)	678,777,875
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		80,973,559,946	65,012,180,736	80,973,559,946	65,012,180,736
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	12,676,959,137	9,994,727,167	12,676,959,137	9,994,727,167
17. Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	770,973,153	468,717,004	770,973,153	468,717,004
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67,525,627,656	54,548,736,565	67,525,627,656	54,548,736,565
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		67,576,045,875	54,540,511,589	67,576,045,875	54,540,511,589
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(50,418,219)	8,224,976	(50,418,219)	8,224,976
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	1,693	1,366	1,693	1,366
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	1,693	1,366	1,693	1,366

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

NGUYỄN SƠN NAM
Tổng Giám đốcNGUYỄN TIẾN DŨNG
Kế toán trưởngPHAN TUẤN VŨ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Số 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80,973,559,946	65,012,180,736
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		969,630,377	967,912,745
- Các khoản dự phòng	03		(1,732,264,797)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7,488,469,166)	(14,232,128,219)
- Chi phí lãi vay	06		14,802,798	404,182,843
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		72,737,259,158	52,152,148,105
- Giảm các khoản phải thu	09	VII	9,855,064,358	3,308,707,167
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(11,382,934,241)	408,540,741
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải trả)	11	VII	(86,942,183,239)	(56,436,815,155)
- Tăng chi phí trả trước	12		4,581,983,934	4,940,434,167
- Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(14,802,798)	(383,289,995)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29,325,042,461)	(10,282,233,604)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(188,595,319)	(191,595,325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40,679,250,608)	(6,484,103,900)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(934,830,298)	(50,000,000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		123,800,000	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(470,300,000,000)	(502,000,000,000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		473,200,000,000	503,000,000,000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	5,789,431,302	7,271,874,016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7,878,401,004	8,221,874,016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	50,000,001
- Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền thu từ đi vay	33		3,455,348,746	17,005,141,798
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(39,000,000)	(16,894,875,413)
- Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3,416,348,746	160,266,386
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(29,384,500,858)	1,898,036,502
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	38,740,717,045	20,621,590,398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	9,356,216,187	22,519,626,900



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

NGUYỄN SƠN NAM
Tổng Giám đốc

(Signature)
NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kế toán trưởng

(Signature)
PHAN TUẤN VŨ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

MẪU B 09-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001488 ngày 04 tháng 03 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 18 ngày 22 tháng 09 năm 2023 về việc thay đổi thông tin địa chỉ Công ty.

• Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ : 400.150.690.000 VND
Số cổ phiếu : 40.015.069 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : 9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-08) 38295488
Fax : (84-08) 38211096
Mã số thuế : 0301460120
Email : cnt@cnt.com.vn và info@cnt.com.vn
Mã chứng khoán : CNT

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản, thương mại, xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Kinh doanh bất động sản. Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý)... Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy gia công, thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản phẩm, thực phẩm. Mua bán sắt, thép, phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), đồng, nhôm, hạt nhựa; Khai thác và mua bán cát xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khai thác và mua bán đá, sỏi xây dựng. Dịch vụ quảng cáo thương mại.. Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi. (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong quý 01/2024 như sau:

	Quý 01/2024	Quý 01/2023	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế TNDN	67.525.627.656	54.548.736.565	Tăng 24% so với Lợi nhuận cùng kỳ năm ngoái

Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng do ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do công ty tái cơ cấu bộ máy quản lý và ghi nhận doanh thu đối với các khoản tiền thu theo tiến độ thanh toán trước đó của khách hàng mua sản phẩm bất động sản tại dự án Khu đô thị mới Hà Tiên.

Dự án Khu đô thị mới thành phố Hà Tiên được đầu tư tại Khu đô thị mới ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo Quyết định 1020/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 4 năm 2003. Đến nay, dự án đã thực hiện và chuyển nhượng hơn 90% diện tích đất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Tất cả các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)
Công ty TNHH Một Thành Viên CNT Trà Đuốc	Tổ 5, ấp Rẫy Mới, xã Bình Trị, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV CNT Kiên Giang	F07-22 đường số 2 - Khu ĐTM Hà Tiên- Phường Pháo Đài- Tp.Hà Tiên - Kiên Giang	Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty CP CNT Hà Tiên	Lô F7-22 đường số 2, khu đô thị mới Hà Tiên, P.Pháo Đài, TP Hà Tiên, Kiên Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	99,77%	99,77%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	38E Trần Cao Vân, phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng	33,33%	33,33%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	30,60%	30,60%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán quý 01 năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán quý 04 năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thực hiện giao dịch với công ty liên kết, nếu phát sinh lãi, Công ty chỉ ghi nhận khoản lãi tương ứng phần sở hữu của các bên khác trong công ty liên kết. Khoản lãi chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ngược lại, khi công ty liên kết thực hiện giao dịch với Công ty, nếu phát sinh lãi, Công ty không được ghi nhận phần lãi tương ứng với phần sở hữu của Công ty từ giao dịch đó.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công cụ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư. Khi cổ tức được nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân theo từng lần mua).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

10. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu thi công công trình xây dựng công trình, phải thu về cung cấp dịch vụ và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi phải thu lãi tiền cho vay, phải thu các khoản chi hộ, tạm ứng nhân viên, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí bán hàng dự án đất Hà Tiên (bao gồm các chi phí môi giới, quảng cáo, ... chi phí khác phát sinh liên quan đến bán đất tại dự án Khu đô thị mới thành phố Hà Tiên), quyền khai thác và chi phí thuê mỏ đá Trà Đước và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm phải trả các khoản thu hộ, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và các khoản phải trả khác.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường được Công ty trích theo Quyết định số 139/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 01 năm 2012 về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác chế biến đá xây dựng mỏ đá núi Trà Đước Lớn tại xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

16. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem *lại*) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

18. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

19. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng...).

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

21. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong năm. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý..

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

24. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

25. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	250.530.945	170.824.899
Tiền gửi ngân hàng	9.034.785.796	10.569.892.146
Các khoản tương đương tiền	-	28.000.000.000
Cộng	9.285.316.741	38.740.717.045

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	590.500.000.000	590.500.000.000	593.200.000.000	593.200.000.000
Cộng	590.500.000.000	590.500.000.000	593.200.000.000	593.200.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3-6 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	5.824.000.000	(2,054,908,570)	5.824.000.000	(2,054,908,570)
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	4.824.000.000	(1,054,908,570)	4.824.000.000	(1,054,908,570)
	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
			Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	Số 30 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng	33.33%	1.000.000.000	33.33%	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	49 Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	30.60%	4.824.000.000	30.60%	4.824.000.000
Cộng				5.824.000.000		5.824.000.000

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
--	------------	-----------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	853.210.000	(853.210.000)	-	853.210.000	(853.210.000)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Biên Tây	1.388.100.000	-	1.388.100.000	1.388.100.000	-	1.388.100.000
Công ty CP Đầu tư Bắc Thăng Long – Thành Đồng	16.352.450.000	(1.975.814.622)	14.376.635.378	16.352.450.000	(1.202.615.284)	15.149.834.716
Cộng	23.417.760.000	(2.829.024.622)	15.764.735.378	23.417.760.000	(2.055.825.284)	20.306.720.146

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	Áp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Khai thác cảng biển, kinh doanh vật liệu xây dựng	2.05%	853.210.000	2.05%	853.210.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây	49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật tư xây dựng, khai thác khoáng sản	10.00%	1.388.100.000	10.00%	1.388.100.000
Công ty CP Đầu tư Bắc Thăng Long – Thành Đồng	Xóm Đắp 3, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	20.00%	16.352.450.000	20.00%	16.352.450.000
Cộng				18.593.760.000		18.593.760.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định theo phương pháp giá trị tài sản thuần căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	201.612.998.118	200.685.290.226
Phải thu hoạt động cung cấp dịch vụ	18.458.423.808	18.244.646.806
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	305.957.400	305.957.400
Phải thu hoạt động xây dựng	7.064.241.732	8.350.412.272
Cộng	227.441.621.058	227.586.306.704
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>3.116.088.383</i>	<i>2.481.206.003</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	1.888.014.173	1.888.014.173
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	1.228.074.210	593.191.830

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	82.005.317	82.005.317
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	11.117.621.295	11.117.621.295
Trả trước cho hoạt động xây dựng	2.833.836.899	564.496.971
Cộng	14.033.463.511	11.764.123.583

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Ngắn hạn	93.503.813.891	(6.001.305.475)	103.567.158.729	(6.786.570.272)
Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay phải thu	8.576.473.801	(856.376.481)	6.835.154.357	(856.376.481)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	8.047.767.710	-	8.047.767.710	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	-	-	785.264.797	(785.264.797)
Tạm ứng nhân viên	75.323.707.914	(3.971.271.135)	86.297.274.250	(3.971.271.135)
<i>Trong đó tạm ứng cho thành viên chủ chốt (i)</i>	<i>70.512.500.000</i>	<i>-</i>	<i>77.462.000.000</i>	<i>-</i>
Các khoản phải thu khác	1.555.864.466	(1.173.657.859)	1.601.697.615	(1.173.657.859)
b) Dài hạn	3.222.689.741	-	3.222.689.741	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.222.689.741	-	3.222.689.741	-
Cộng	96.726.503.632	(6.001.305.475)	106.789.848.470	(6.786.570.272)

(i) Trong số dư tạm ứng cho thành viên chủ chốt tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm khoản tạm ứng cho ông Trần Công Quý số tiền 65.000.000.000 VND để thay mặt Công ty thực hiện thu mua quỹ đất cho Công ty theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 22/BB-HĐQT ngày 30/12/2021.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	330.218.392.713	93.582.619.359	340.165.276.367	101.797.238.216
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>232.046.626.920</i>	<i>7.573.120.901</i>	<i>234.116.020.458</i>	<i>8.695.514.439</i>
Phải thu hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	206.218.003.980	662.167.964	207.215.003.980	712.167.964
Phải thu hoạt động cung cấp dịch vụ	18.458.423.808	297.762.002	18.244.646.806	83.985.000
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	305.957.400	-	305.957.400	-
Phải thu hoạt động xây dựng	7.064.241.732	6.613.190.935	8.350.412.272	7.899.361.475
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>14.033.463.511</i>	<i>7.872.501.651</i>	<i>11.764.123.583</i>	<i>5.603.161.723</i>
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	11.117.621.295	5.275.665.645	11.117.621.295	5.275.665.645
Trả trước cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	82.005.317	54.930.961	82.005.317	54.930.961
Trả trước cho hoạt động xây dựng	2.833.836.899	2.541.905.045	564.496.971	272.565.117
<i>Tạm ứng nhân viên</i>	<i>75.333.928.474</i>	<i>71.352.436.779</i>	<i>86.302.494.814</i>	<i>82.321.003.119</i>
Tạm ứng cho hoạt động xây dựng	8.432.553.334	6.328.436.779	7.448.159.674	5.344.043.119
Tạm ứng cho hoạt động kinh doanh bất động sản	66.901.375.140	65.024.000.000	78.854.335.140	76.976.960.000
<i>Phải thu khác</i>	<i>8.804.373.808</i>	<i>6.784.560.028</i>	<i>7.982.637.512</i>	<i>5.177.558.935</i>
Lãi cho vay phải thu (Công ty Cổ phần Bé tông và Xây dựng Thăng Long & Huy Thục)	856.376.481	-	856.376.481	-
Các đối tượng khác	7.947.997.327	6.784.560.028	7.126.261.031	5.177.558.935
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	200.000.000	-	200.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	200.000.000	-	200.000.000	(200.000.000)
Cộng	330.418.392.713	93.582.619.359	236.835.773.354	(238.568.038.151)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ, tạm ứng nhân viên, cho vay và các khoản phải thu khác... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	60.154.989	-	76.375.078	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	78.060.890.108	-	66.078.062.386	-
Dự án Khu đô thị mới thành phố Hà Tiên	77.292.162.862	-	65.280.805.811	-
Chi phí dở dang xây lắp	768.727.246	-	797.256.575	-
Hàng hoá	26.281.249.852	-	26.864.923.244	-
Hàng hoá	496.322.465	-	1.079.995.857	-
Hàng hóa bất động sản (*)	25.784.927.387	-	25.784.927.387	-
Cộng	104.402.294.949	-	93.019.360.708	-

(*) Hàng hóa bất động sản thể hiện giá trị các lô đất đã mua và đầu tư với chi tiết như sau:

Hàng hóa bất động sản				
Cù Chi	6.266.509.562	-	6.266.509.562	-
Hàng hóa bất động sản Long An	11.706.300.000	-	11.706.300.000	-
Hàng hóa bất động sản Vũng tàu	6.094.421.000	-	6.094.421.000	-
Hàng hóa bất động sản khác	1.717.696.825	-	1.717.696.825	-
Cộng	25.784.927.387	-	25.784.927.387	-

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Ngắn hạn	24.349.581.644	28.561.643.661
Chi phí bán hàng đất dự án Hà Tiên	21.382.970.711	27.155.416.891
Chi phí khác	2.966.610.933	1.406.226.770
b) Dài hạn	1.255.374.322	1.625.296.251
Chi phí khác	1.255.374.322	1.625.296.251
Cộng	25.604.955.966	30.186.939.912

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Phía Nam (*)	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Cộng	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Phải thu về cho vay dài hạn là bên liên quan (*)	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	20,263,262,809	6,713,583,361	9,482,146,675	567,762,273	37,026,755,118
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	862,600,000	-	-	862,600,000
Thanh lý, nhượng bán	-	862,600,000	-	-	862,600,000
Số cuối kỳ	20,263,262,809	5,850,983,361	9,482,146,675	567,762,273	36,164,155,118
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	14.388.473.075	5.709.962.146	4.765.593.431	343.251.747	25.207.280.399
Tăng trong kỳ	448.542.464	294.737.670	194.113.053	32.237.190	969.630.377
Khấu hao trong năm	448.542.464	294.737.670	194.113.053	32.237.190	969.630.377
Giảm trong kỳ	-	696.518.420	-	-	696.518.420
Thanh lý, nhượng bán	-	696.518.420	-	-	696.518.420
Số cuối kỳ	14.837.015.539	5.308.181.396	4.959.706.484	375.488.937	25.480.392.356
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.874.789.734	1.003.621.215	4.716.553.244	224.510.526	11.819.474.719
Số cuối kỳ	5.426.247.270	542.801.965	4.522.440.191	192.273.336	10.683.762.762
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
Số đầu kỳ	6.192.433.050	686.391.140	2.561.254.546	38.170.000	9.478.248.736
Số cuối kỳ	6.256.433.050	686.391.140	2.561.254.546	38.170.000	9.542.248.736

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Thuế thu nhập hoãn lại**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	Cộng
Năm trước				
Số đầu năm	543,738,488	4,128,833,012	-	4,672,571,500
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước	73,730,963	(1,952,999,244)	-	(1,879,268,281)
Số cuối năm	617,469,451	2,175,833,768	-	2,793,303,219
Năm nay				
Số đầu năm	617,469,451	2,175,833,768	-	2,793,303,219
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Tại 31/03/2024	51,645,476	(822,618,629)	-	(770,973,153)
	669,114,927	1,353,215,139	-	2,022,330,066

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả hoạt động kinh doanh VLXD	1.845.646.508	1.845.646.508	73.852.293	73.852.293
Phải trả người bán dịch vụ cung cấp	212.400.000	212.400.000	-	-
Phải trả hoạt động xây dựng	6.605.762.584	6.605.762.584	4.298.067.424	4.298.067.424
Cộng	8.663.809.092	8.663.809.092	4.371.919.717	4.371.919.717

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nhận tiền trước từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	179.131.360	57.922.640
Nhận trước tiền cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
Nhận tiền trước từ hoạt động kinh doanh bất động sản	14.435.539.544	8.776.168.046
Cộng	14.614.670.904	8.834.090.686

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	11.008.361.963	215.613.528	11.511.733.236	(287.757.745)
Thuế xuất. nhập khẩu (*)	(779.770.694)	-	-	(779.770.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.333.899.748	12.522.319.271	29.396.603.407	12.459.615.611
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>29.334.561.248</i>	<i>12.522.319.271</i>	<i>29.361.153.684</i>	<i>12.495.726.834</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu (*)</i>	<i>(661.500)</i>	<i>-</i>	<i>35.449.723</i>	<i>(36.111.223)</i>
Thuế thu nhập cá nhân	604.876.477	559.039.084	597.110.927	566.804.634
Thuế tài nguyên	183.156.400	1.102.539.600	829.247.600	456.448.400
Các loại thuế khác	100.736.020	619.396.780	469.086.180	251.046.620
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phí bảo vệ môi trường</i>	<i>100.736.020</i>	<i>610.396.780</i>	<i>460.086.180</i>	<i>251.046.620</i>
Cộng	40.451.259.914	15.018.908.263	42.732.881.904	12.666.386.826

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	788.304.994	823.754.717
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	41.291.336.575	13.544.160.637

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí lãi vay	-	-
Chi phí dự án đất Hà Tiên	68.511.699.892	68.511.699.892
Chi phí phải trả khác	1.183.745.876	1.155.835.151
Cộng	69.695.445.768	69.667.535.043

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thu tiền theo tiến độ dự án đất Hà Tiên	124.274.070.573	208.807.208.795
Cộng	124.274.070.573	208.807.208.795

17. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	2.091.442.684	2.091.442.684
Phải trả ngắn hạn khác	1.763.714.132	1.609.109.726
Cộng	3.855.156.816	3.700.552.410

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	156.000.000	156.000.000	-	-	156.000.000	156.000.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>156.000.000</i>	<i>156.000.000</i>	-	-	<i>156.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)	156.000.000	156.000.000	-	-	156.000.000	156.000.000
b) Vay dài hạn	3.949.348.746	3.949.348.746	3.455.348.746	3.455.348.746	533.000.000	533.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Tây Sài Gòn	3.949.348.746	3.949.348.746	3.455.348.746	3.455.348.746	533.000.000	533.000.000
Tổng cộng	4.105.348.746	4.105.348.746	3.455.348.746	3.455.348.746	689.000.000	689.000.000

(i) Vay trung dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 017/23/02/0090 ngày 17/05/2023, số tiền vay 780.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng vay. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định là xe Ford Everest phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Dự phòng phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
a) Ngắn hạn	-	-
Dự phòng phải trả khác	-	-
b) Dài hạn	2.148.201.284	2.148.201.284
Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	<u>2.148.201.284</u>	<u>2.148.201.284</u>
Cộng	<u>2.148.201.284</u>	<u>2.148.201.284</u>

Đây là chi phí cải tạo môi trường theo:

- ✓ Quyết định số 139/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 01 năm 2012 về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác chế biến đá xây dựng mỏ đá núi Trà Đước Lớn tại xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
- ✓ Quyết định số 3121/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác chế biến đá xây dựng mỏ đá núi Trà Đước Lớn tại xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số đầu kỳ	429.029.506	429.029.506
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi/ sử dụng trong năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>429.029.506</u>	<u>429.029.506</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm nay và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước							
Số đầu năm	400.150.690.000	-	(1.012.784.684)	22.571.630.507	(70.225.755.848)	6.449.020.930	357.932.800.905
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	214.841.942.970	(780.344.150)	214.061.598.819
Chuyển nhượng Công ty con và mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	(172.042.829)	(197.445.939)	(5.665.494.437)	(6.034.983.205)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	3.921.567	(3.921.567)	-
Số cuối năm	400.150.690.000	-	(1.012.784.684)	22.399.587.678	144.418.741.182	53.182.343	566.009.416.519
Năm nay							
Số đầu năm	400.150.690.000	-	(1.012.784.684)	22.399.587.678	144.418.741.182	53.182.343	566.009.416.519
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	67.576.045.875	(50.418.219)	67.525.627.656
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2.054.079.971)	47.654.095	(2.006.425.876)
Số cuối kỳ	400.150.690.000	-	(1.012.784.684)	22.399.587.678	209.940.707.086	50.418.219	631.528.618.299

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.015.069	40.015.069
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	40.015.069	40.015.069
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.015.069</i>	<i>40.015.069</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100.000	100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.915.069	39.915.069
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>39.915.069</i>	<i>39.915.069</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2024</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2023</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.419.159.499	87.912.027.787
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	16.460.588.280	17.592.797.934
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.395.706.572	1.516.818.055
Doanh thu kinh doanh bất động sản	87.562.864.647	68.802.411.798
<i>Giảm trừ doanh thu</i>	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	105.419.159.499	87.912.027.787

Doanh thu đối với các bên liên quan

	5.897.655.469	51.152.055
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	26.608.219	39.452.055
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Biên Tây	5.871.047.250	11.700.000

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán vật liệu xây dựng	11.053.722.444	16.255.332.937
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.298.719.468	2.020.904.957
Giá vốn kinh doanh bất động sản	10.537.900.877	8.848.811.994
Cộng	22.890.342.789	27.125.049.888

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.530.750.746	14.232.128.219
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng	575.106.035	557.475.504
Cộng	8.105.856.781	14.789.603.723
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	14.802.798	404.182.843
Cộng	14.802.798	404.182.843
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.772.446.180	4.911.410.759
Cộng	5.772.446.180	4.911.410.759
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	3.297.377.479	3.405.132.926
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	6.800.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	271.453.423	34.315.584
Thuế, phí, lệ phí	9.000.000	8.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.677.531.455	2.177.173.504
Chi phí dự phòng	(1.732.264.797)	-
Chi phí khác bằng tiền	294.351.414	296.163.144
Cộng	3.817.448.974	5.927.585.159
7. Lợi nhuận (lỗ) khác		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	-	569.902.875
Thu nhập khác	95.300.000	120.875.000
Thu nhập khác	95.300.000	690.777.875
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	100.333.324	-
Chi phí thi hành án	6.000.000	12.000.000
Chi phí khác	45.382.269	-
Chi phí khác	151.715.593	12.000.000
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	(56.415.593)	678.777.875
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.973.559.946	65.012.180.736

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(918.635.161)	85.661.701
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	352.224.955	270.227.382
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.270.860.116)	(184.565.681)
Trừ: Chuyển lỗ	(13.022.264.710)	(13.132.139.148)
Tổng thu nhập chịu thuế	67.032.660.075	51.965.703.289
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	66.450.441.741	50.727.392.385
Thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh thông thường	878.042.281	1.848.055.849
Lỗ tính thuế từ các hoạt động kinh doanh thông thường	(295.823.947)	(609.744.945)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.465.696.804	10.515.089.647
Cộng: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu bất động sản	(788.737.666)	(520.362.480)
Cộng: Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.676.959.138	9.994.727.167

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản chưa hoàn thành. Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được theo quy định.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/03/2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế	67.576.045.875	54.540.511.589
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	67.576.045.875	54.540.511.589
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	39.915.069	39.915.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.749	4.929

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	39.915.069	39.915.069
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	39.915.069	39.915.069

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	67.576.045.875	54.540.511.589
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	67.576.045.875	54.540.511.589
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	39.915.069	39.915.069
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	39.915.069	39.915.069
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.693	1.366

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hồng Mã	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	Công ty liên quan
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	Công ty liên quan
Ông Phạm Quốc Khánh	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Công Quý	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Sơn Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Viết Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến	Lũy kế từ đầu năm đến
31/03/2024	31/03/2023

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Biển Tây

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bán vật liệu xây dựng	5.871.047.250	-
Chi phí khai thác đá hỗn hợp sau nổ mìn	4.151.873.960	-
Cho thuê dịch vụ hạ tầng	-	11.700.000

Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT

Lãi cho vay tạm ứng mua vật tư	26.608.219	39.452.055
--------------------------------	------------	------------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán. công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích		
Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng	1.888.014.173	1.888.014.173

Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam

Phải thu về cho vay ngắn hạn	200.000.000	200.000.000
------------------------------	-------------	-------------

Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT

Phải thu lãi cho vay tạm ứng mua vật tư	332.076.712	305.468.493
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.300.000.000	1.500.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Biên Tây

Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng	1.228.074.210	593.191.830
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	785.264.797
Phải trả người bán ngắn hạn	1.986.256.274	-

Tạm ứng

Ông Trần Công Quý	65.000.000.000	77.000.000.000
Ông Nguyễn Sơn Nam	700.000.000	3.404.500.000
Ông Lê Viết Nam	4.185.500.000	850.000.000
Ông Nguyễn Thành Long	627.000.000	462.000.000

Thu nhập của thành viên chủ chốt Công ty

Họ và tên	Chức vụ	Quý 01/2024	Lũy kế đầu năm tới 31/03/2024	Quý 01/2023	Lũy kế đầu năm tới 31/03/2023
Ông Phạm Quốc Khánh	Chủ tịch HĐQT	314.507.487	314.507.487	361.823.678	361.823.678
Ông Trần	Phó chủ tịch	290.247.989	290.247.989	335,728,260	335,728,260

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công Quý	HDQT				
Ông Nguyễn Sơn Nam	Tổng Giám đốc	292.402.958	292.402.958	336.358.696	336.358.696
Ông Lê Viết Nam	Phó Tổng Giám đốc	244.349.726	244.349.726	279.086.878	279.086.878
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	213.868.672	213.868.672	163.179.391	163.179.391

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, Bộ phận kinh doanh và Bộ phận dịch vụ. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 3 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bán đất tại Khu Đô thị mới Hà Tiên, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.
- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: cho thuê tiện ích, kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất mỏ đá.....
- Bộ phận dịch vụ: Cho thuê các thiết bị xây dựng; cho thuê mỏ đá, dịch vụ Khu tiện ích - Lotteria và Coffee tại Khu Đô thị mới thành phố Hà Tiên...

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

NGUYỄN SƠN NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kế toán trưởng

PHAN TUẤN VŨ
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất